



A member of MGI International

Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP HỒ CHÍ MINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

TR
KI
TH
BAN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xi nghiệp In Sách Giáo Khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại quyết định số 7976/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004. Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh lần thứ 5, ngày 10/10/2015 với Mã số doanh nghiệp 0303171300.

Công ty đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu SAP kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN – ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (Nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Số 240 – Trần Bình Trọng – P.4 – Q.5 – Tp Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh là 26.100.000.000 đồng. Vốn ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 là 12.869.840.000 đ.

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, thương mại, cung cấp các dịch vụ in ấn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Nhân Tâm	Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	Bỏ nhiệm ngày 18/09/2015
Ông Lê Chí Viện	Ủy viên Hội Đồng Quản Trị	Bỏ nhiệm ngày 18/09/2015
Ông Phan Chí Hùng	Ủy viên Hội Đồng Quản Trị	Bỏ nhiệm ngày 18/09/2015
Ông Nguyễn Việt Hồng	Ủy viên Hội Đồng Quản Trị	Bỏ nhiệm ngày 18/09/2015
Ông Đỗ Thành Lâm	Ủy viên Hội Đồng Quản Trị	Bỏ nhiệm ngày 18/09/2015

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Lê Chí Viện	Giám đốc Điều hành	Bỏ nhiệm ngày 21/09/2015
Ông Phan Chí Hùng	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/12/2015
Ông Hoàng Minh Ước	Nguyên Giám đốc Điều hành	Miễn nhiệm ngày 21/09/2015
Ông Đỗ Hữu Cường	Nguyên Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/09/2015
Bà Nguyễn Thị Ngọc Cúc	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 21/09/2015
Bà Ngô Thị Kim Phượng	Nguyên Phụ trách kế toán	Miễn nhiệm ngày 02/10/2015

BAN KIỂM SOÁT

Ông Từ Đức Thắng	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21/09/2015
Ông Sầm Khắc Lộc	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 18/09/2015
Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 18/09/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA), đơn vị đủ điều kiện kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Theo Nghị quyết Số 04/NQHĐQT ngày 09/02/2015, việc kinh doanh chỉ tập trung hoàn thành các hợp đồng đang thực hiện dở dang trước đó. Và theo Thông báo số 06/2015/TB-HĐQT ngày 29/05/2015, Công ty tạm ngưng sản xuất để ổn định tổ chức.

Theo Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐQT ngày 18/09/2015 và Thông báo số 1381/TB-TCNS ngày 14/09/2015 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty đã tiếp tục là đơn vị thành viên thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đồng thời theo Thông báo số 1359/NXBGDVN ngày 10/09/2015 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam về việc giao sản lượng in cho các đơn vị in thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: 240 – Trần Bình Trọng – P.4 – Q.5 – Tp Hồ Chí Minh

Việt Nam năm 2016, công ty đã làm việc với NXBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp nhận chỉ tiêu kế hoạch in và tổ chức triển khai sản xuất. Hoạt động sản xuất in của công ty đã triển khai trở lại vào đầu tháng 10/2015.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2016.

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Lê Chí Viện

4-
TY
ƯU
W
HC
AN
T

Số : ~~1223~~ /BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 04/01/2016, từ trang 7 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ths. Nguyễn Bảo Trung

Phó Giám đốc

Giấy Chứng nhận hành nghề số:

0373 - 2014 - 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 04 tháng 03 năm 2016

Mai Quang Hiệp

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận hành nghề số:

1320 - 2014 - 126 - 1

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ths. Nguyễn Bảo Trung
Phó Giám đốc

Giấy Chứng nhận hành nghề số:
0373 - 2014 - 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 04 tháng 03 năm 2016

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận hành nghề số:
1320 - 2014 - 126 - 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.008.822.043	4.763.790.102
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	428.673.002	2.916.669.133
111	1. Tiền		428.673.002	116.669.133
112	2. Các khoản tương đương tiền			2.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		660.613.195	584.260.985
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.02	660.613.195	443.677.077
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn			27.500.000
136	6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	V.03		113.083.908
137	7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	IV. Hàng tồn kho	V.04	914.593.523	986.370.115
141	1. Hàng tồn kho		914.593.523	986.370.115
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.942.323	276.489.869
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.09	4.942.323	276.489.869
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.910.842.116	11.440.503.806
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		202.838.718	1.286.984.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.03	202.838.718	1.286.984.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		518.989.160	835.751.238
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.05	518.989.160	835.751.238
222	- Nguyên giá		21.152.537.281	22.615.623.181
223	- Giá trị hao mòn lũy kế(*)		(20.633.548.121)	(21.779.871.943)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.06	1.186.677.683	1.186.677.683
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang		1.186.677.683	1.186.677.683
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.002.336.555	8.131.090.885
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.07	9.002.336.555	8.131.090.885
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.919.664.159	16.204.293.908

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.469.987.725	2.017.322.264
310	I. Nợ ngắn hạn		1.973.804.982	485.976.021
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.08	302.588.846	285.652.143
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.09	217.861.058	11.734.630
314	4. Phải trả công nhân viên		295.693.856	
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.10	9.195.078	67.017.000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.11	66.668.015	235.171.698
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	1.195.397.579	
322	12. Quỹ Khen thưởng phúc lợi		(113.599.450)	(113.599.450)
330	II. Nợ dài hạn		1.496.182.743	1.531.346.243
331	1. Phải trả dài hạn người bán	V.08	44.545.060	65.208.560
332	2. Người mua trả trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn	V.10	234.960.000	249.460.000
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.11	1.216.677.683	1.216.677.683
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.13	9.449.676.434	14.186.971.644
410	I. Vốn chủ sở hữu		9.449.676.434	14.186.971.644
411	1. Vốn góp của Chủ sở hữu		12.869.840.000	12.869.840.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		12.869.840.000	12.869.840.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		76.950.378	1.170.799.044
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.497.113.944)	146.332.600
421a	LNST chưa p/phối lũy kế đến cuối kỳ trước			146.332.600
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(3.497.113.944)	
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.919.664.159	16.204.293.908



Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2016



Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Kế toán trưởng



Lê Chí Viện

Giám đốc

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	VI.14	3.725.686.541	9.720.812.560
02	2. Các khoản giảm trừ			
02a	- Chiết khấu bán hàng			
02b	- Giảm giá hàng bán			
02c	- Hàng bán bị trả lại			
10	3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp d/vụ		3.725.686.541	9.720.812.560
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.15	4.640.819.104	7.856.510.837
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp d/vụ		(915.132.563)	1.864.301.723
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.16	50.938.468	241.456.899
22	7. Chi phí tài chính	VI.17	10.199.767	
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		10.199.767	
25	8. Chi phí bán hàng	VI.18	138.879.108	211.230.116
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.19	2.151.334.102	1.822.438.028
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD		(3.164.607.072)	72.090.478
31	11. Thu nhập khác	VI.20	259.434.351	905.767.370
32	12. Chi phí khác	VI.21	378.077.881	571.336.977
40	13. Lợi nhuận khác		(118.643.530)	334.430.393
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.283.250.602)	406.520.871
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.22	213.863.342	75.426.133
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(3.497.113.944)	331.094.738
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.23	(2.717)	257
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			



Nguyễn Thị Ngọc Cúc
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Cúc
Kế toán trưởng





Lê Chí Viện
Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ		3.941.335.085	15.131.599.988
02	2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.101.828.309)	(6.237.230.156)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.148.332.062)	(4.570.865.326)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.004.689)	
05	5. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp đã nộp			(250.117.949)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		55.139.151	138.747.108
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.644.641.354)	(5.237.676.399)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.899.332.178)	(1.025.542.734)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH kl			
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		165.000.000	
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(3.300.000.000)	
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.300.000.000	3.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được ch		50.938.468	328.956.899
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		215.938.468	3.328.956.899
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	VII.1	1.195.397.579	
34	Tiền chi trả nợ gốc vay			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.195.397.579	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.487.996.131)	2.303.414.165
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.916.669.133	613.254.968
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		428.673.002	2.916.669.133




Nguyễn Thị Ngọc Cúc
 Người lập biểu

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2016



Nguyễn Thị Ngọc Cúc
 Kế toán trưởng




 Lê Chí Viện
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Tp Hồ Chí Minh được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa xí nghiệp In Sách Giáo Khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại quyết định số 7976/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004. Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh lần thứ 5, ngày 10/10/2015 với Mã số doanh nghiệp 0303171300.

Công ty đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu SAP kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN – ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (Nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế XH;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 cùng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Theo Nghị quyết Số 04/NQHĐQT ngày 09/02/2015, việc kinh doanh chỉ tập trung hoàn thành các hợp đồng đang thực hiện dở dang trước đó. Và theo Thông báo số 06/2015/TB-HĐQT ngày 29/05/2015, Công ty tạm ngưng sản xuất để ổn định tổ chức.

Theo Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐQT ngày 18/09/2015 và Thông báo số 1381/TB-TCNS ngày 14/09/2015 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty đã tiếp tục là đơn vị thành viên thuộc hệ thống Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam.

Đồng thời theo Thông báo số 1359/NXBGDVN ngày 10/09/2015 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam về việc giao sản lượng in cho các đơn vị in thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam năm 2016, công ty đã làm việc với NXBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp nhận chỉ tiêu kế hoạch in và tổ chức triển khai sản xuất. Hoạt động sản xuất in của công ty đã triển khai trở lại vào đầu tháng 10/2015.

6. **Cấu trúc doanh nghiệp:** là doanh nghiệp độc lập, không có công ty con, không có chi nhánh

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng.**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 Hướng dẫn sửa đổi Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính – “ Hướng dẫn Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định, hướng dẫn về đánh giá lại công cụ tài chính sau lần ghi nhận ban đầu

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7/12/2009.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng : TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn, được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí thuê đã trả trước cho nhiều năm

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

10. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ Đầu tư phát triển quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của công ty, trong quá trình hoạt động, các nguồn quỹ này được quản lý và sử dụng theo điều lệ của công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Phân ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản thuế.

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế TNDN áp dụng mức thuế suất 20% theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 32/2013/QH 13 ngày 19/06/2013.

Các loại thuế và phí khác theo quy định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng

01 . TIỀN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền mặt	29.891.962		10.313.718	
Tiền gửi không kỳ hạn	398.781.040		106.355.415	
Tương đương tiền			2.800.000.000	
Cộng	428.673.002		2.916.669.133	

02 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan	660.613.195		443.677.077	
Trong đó				
<i>Nhà Xuất bản Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh</i>	598.824.630		203.708.023	
<i>Công ty Cổ phần sách Dân tộc</i>			230.969.054	
<i>Cty CP ĐT & PT GD Phương Nam</i>	45.288.565			
Cộng	660.613.195		443.677.077	

03 . PHẢI THU KHÁC

Khoản mục	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn			113.083.908	
Thù lao HĐQT và BKS			7.200.000	
Chi Thuởng tết Dương lịch và Chi tham quan			96.050.000	
Phải thu khác(Dự nợ 334 và Dự nợ 3389)			9.833.908	
b) Dài hạn	202.838.718		1.286.984.000	
Thù lao HĐQT và BKS				
Cổ tức năm 2013	202.838.718		1.286.984.000	
Cộng(a+b)	202.838.718		1.400.067.908	

04 . HÀNG TỒN KHO

Khoản mục	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	625.924.611		658.564.116	
Chi phí SXKD dở dang	98.258.601		70.528.586	
Thành phẩm	190.410.311		257.277.413	
Cộng	914.593.523		986.370.115	

Không có hàng tồn kho kém phẩm chất tính đến cuối kỳ kế toán

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay tính đến cuối kỳ kế toán

05 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Xem Phụ Lục số 01)

06 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Nhà máy in Sách Giáo Khoa tại Cát Lái (*)

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	1.186.677.683	1.186.677.683
	1.186.677.683	1.186.677.683

(*) Xem nội dung tại Thuyết minh số 11

07 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Dài hạn

Chi phí công cụ dụng cụ

Chi phí tiền thuê đất năm 2012 đang chờ miễn giảm

Chi phí thuê đất tại Cát Lái

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
		5.061.243
	90.463.824	
	8.911.872.731	8.126.029.642
	9.002.336.555	8.131.090.885

08 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a) Phải trả người bán ngắn hạn

Trong đó (Chi tiết các đối tượng có số dư lớn hơn 10% tổng nợ phải trả)

Công Ty CP in và VT Sài Gòn

Cty TNHH SX TM XNK Thuận An

Công ty CP TM&XNK Thăng Long

Công ty TNHH Lưu Nguyễn Tâm

Công ty TNHH Cơ khí Phạm Nguyễn

b) Nợ quá hạn chưa thanh toán

Trong đó (Chi tiết các đối tượng có số dư lớn hơn 10% tổng nợ phải trả)

CTy TNHH P/ triển CN ánh Sáng Thẩm Quyển

Công ty cổ phần T & T

Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Quốc tế

Công ty TNHH TM- DV- XNK Thăng Long

Cộng (a+b)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	302.588.846	285.652.143
	115.168.242	53.929.654
	42.900.000	
	58.685.000	
	76.977.084	
		93.329.000
	44.545.060	65.208.560
	15.945.060	15.945.060
		18.287.500
	15.400.000	
	13.200.000	13.200.000
	347.133.906	350.860.703

09 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
THUẾ PHẢI NỘP				
Thuế GTGT	11.734.630	394.142.116	278.479.512	127.397.234
Thuế TNDN				
Thuế môn bài				
Tiền thuê đất		90.463.824		90.463.824
Cộng	11.734.630	484.605.940	278.479.512	217.861.058

THUẾ PHẢI THU

Thuế TNDN	271.547.546		271.547.546	
Thuế TN Cá nhân	4.942.323			4.942.323
Cộng	276.489.869		271.547.546	4.942.323

	Số cuối năm	Số đầu năm
10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
a Ngắn hạn	9.195.078	67.017.000
Chi phí bảo hộ lao động		29.107.000
Chi phí khám sức khỏe		37.910.000
Lãi vay phải trả	9.195.078	
b Dài hạn	234.960.000	249.460.000
Lãi phải trả về vi phạm hợp đồng	234.960.000	234.960.000
Phụ cấp Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2014		14.500.000
Cộng (a+b)	244.155.078	316.477.000
11 PHẢI TRẢ KHÁC		
a Ngắn hạn	66.668.015	235.171.698
Kinh phí công đoàn	51.435.213	14.553.250
Bảo hiểm xã hội		8.755.117
Bảo hiểm thất nghiệp		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.232.802	211.863.331
b Dài hạn	1.216.677.683	1.216.677.683
Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh(*)	1.186.677.683	1.186.677.683
Công ty CP Bất động sản CT	30.000.000	30.000.000
Cộng (a+ b)	1.283.345.698	1.451.849.381

Công ty đang ghi nhận khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tương ứng với khoản công nợ phải trả Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh là 1.186.677.683 đ. Đây là khoản nợ phải trả theo Biên bản Thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh (Số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008) giữa Công ty và Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh trong hoạt động góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh tại số B1, đường K1 trong KCN Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ghi rõ " Số tiền đã đầu tư vào dự án là 1.181.677.683 được thống nhất bảo lưu. Bên A (Công ty) có trách nhiệm chuyển nhượng cho dự án và hoàn trả lại cho Bên B khi dự án được tiếp tục triển khai ".

12 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Ngân hàng	Số cuối năm	Số có khả năng trả	Số đã trả trong năm	Số vay trong năm	Số đầu năm
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	1.195.397.579	1.195.397.579		1.195.397.579	
Cộng	1.195.397.579	1.195.397.579		1.195.397.579	

Thông tin khoản vay

- * Hợp đồng tín dụng số 01/2015/573003/HĐTD ngày 10/11/2015. Kỳ hạn 6 tháng. Lãi suất 7%/năm. Mục đích vay phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a Bảng biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	12.869.840.000	1.170.799.044	(251.495.044)	13.789.144.000
Số tăng trong năm			516.627.644	516.627.644
Lãi trong năm			331.094.738	331.094.738
Tăng khác			185.532.906	185.532.906
Số giảm trong năm			118.800.000	118.800.000
Lỗ trong năm				
Giảm khác			118.800.000	118.800.000
Số dư cuối năm trước	12.869.840.000	1.170.799.044	146.332.600	14.186.971.644

Số dư đầu năm nay	12.869.840.000	1.170.799.044	146.332.600	14.186.971.644
Tăng vốn trong năm				
Lãi trong năm				
Giảm vốn trong năm		1.093.848.666	3.643.446.544	4.737.295.210
Lỗ trong năm			3.497.113.944	3.497.113.944
Giảm khác		1.093.848.666	146.332.600	1.240.181.266
Số dư cuối năm	12.869.840.000	76.950.378	(3.497.113.944)	9.449.676.434

b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	32%	4.151.700.000	32%	4.151.700.000
Các cổ đông khác	68%	8.718.140.000	68%	8.718.140.000
Cộng	100%	12.869.840.000	100%	12.869.840.000

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
Vốn góp đầu năm	12.869.840.000	12.869.840.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	12.869.840.000	12.869.840.000

d Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	1.286.984	1.286.984
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.286.984	1.286.984
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP

e Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Đầu tư phát triển	76.950.378	1.170.799.044
VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất KD		
14 . DOANH THU	Năm nay	Năm trước
a Doanh thu in ấn (a1+a2)	3.678.735.054	9.493.365.960
a1 Doanh thu in với các bên liên quan	3.678.735.054	9.313.365.960
<i>NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh</i>	2.469.391.530	6.344.222.871
<i>Công ty cổ phần Sách Dân Tộc</i>	150.701.000	997.582.558
<i>Cty CPĐT & PTGD Phương Nam</i>	1.058.642.524	1.816.104.589
<i>Cty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc</i>		81.546.584
<i>Cty CP Sách và TBGD Miền Nam</i>		6.025.418
<i>Công ty CP SGD tại TP HCM</i>		67.091.122
<i>Cty CP Sách & TBGD Cửu Long</i>		792.818
a2 Doanh thu in với bên không liên quan		180.000.000
b Doanh thu (Không phải với các bên liên quan)	46.951.487	227.446.600
<i>Doanh thu hoạt động khác</i>	46.951.487	227.446.600
Cộng (a+b)	3.725.686.541	9.720.812.560
15 . GIÁ VỐN	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động in ấn	4.640.819.104	7.856.510.837
Cộng	4.640.819.104	7.856.510.837
16 . DOANH THU TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	50.938.468	241.456.899
Cộng	50.938.468	241.456.899
17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	10.199.767	
Cộng	10.199.767	
18 . CHI PHÍ BÁN HÀNG	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	138.879.108	211.230.116
Cộng	138.879.108	211.230.116
Trong đó		
<i>Chi phí vận chuyển</i>	137.532.108	205.479.116
19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.151.334.102	1.822.438.028
Cộng	2.151.334.102	1.822.438.028
Trong đó		
<i>Chi phí nhân viên</i>	1.353.724.188	1.070.518.705
<i>Chi phí khác</i>	797.609.914	751.919.323

	Năm nay	Năm trước
20 . THU NHẬP KHÁC		
Cho thuê mặt bằng	60.000.000	330.000.000
Thanh lý tài sản	148.200.000	
Thu nhập khác	51.234.351	575.767.370
Cộng	259.434.351	905.767.370
21 . CHI PHÍ KHÁC		
Chi phí đất tại Cát Lái	305.656.911	326.263.938
Chi phí khác	72.420.970	245.073.039
Cộng	378.077.881	571.336.977
22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng thu nhập trước thuế (1)	(3.283.250.602)	406.520.871
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính (1.1)	(3.205.345.773)	(169.366.421)
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác (1.2)	(77.904.829)	575.887.292
<i>Các khoản điều chỉnh tăng(2)</i>	<i>450.950.903</i>	<i>106.911.998</i>
<i>Chi phí không được trừ của hoạt động chính(2.1)</i>		<i>106.911.998</i>
<i>Chi phí không được trừ hoạt động khác(2.2)</i>	<i>450.950.903</i>	
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>		136.302.200
<i>Lỗ năm trước chuyển sang</i>		<i>136.302.200</i>
Tổng thu nhập chịu thuế (4)	(2.832.299.699)	377.130.669
<i>Hoạt động kinh doanh chính (4.1 = 1.1 +2.1 - 3)</i>	<i>(2.754.394.870)</i>	<i>(198.756.623)</i>
<i>Hoạt động kinh doanh khác (4.2 = 1.2 +2.2)</i>	<i>(77.904.829)</i>	<i>575.887.292</i>
Thuế TNDN tính theo từng hoạt động năm nay		75.426.133
<i>Hoạt động KD chính (5.1) - Thuế suất 20%</i>		<i>(39.751.325)</i>
<i>Hoạt động KD khác (5.2) - Thuế suất 20%</i>		<i>115.177.458</i>
Thuế TNDN các năm trước ghi tăng cho năm nay	213.863.342	
Thuế TNDN phải nộp	213.863.342	75.426.133
23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(3.497.113.944)	331.094.738
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ		
phiếu phổ thông	(3.497.113.944)	331.094.738
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân		
trong kỳ	1.286.984	1.286.984
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.717)	257
24 . CHI PHÍ SX KD THEO YẾU TỐ		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	650.623.781	2.142.899.702
Chi phí nhân công	4.018.109.869	4.913.008.916
Chi phí khấu hao	316.762.078	755.577.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.009.598	1.084.206.331
Chi phí bằng tiền khác	1.455.021.341	1.325.612.975
Cộng	6.740.526.667	10.221.305.706

25 . CỘNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và tương đương tiền	428.673.002	2.916.669.133
Phải thu khách hàng ngắn hạn	660.613.195	443.677.077
Phải thu khác ngắn hạn	202.838.718	1.400.067.908
Cộng	1.292.124.915	4.760.414.118
Công nợ tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	302.588.846	285.652.143
Chi phí phải trả ngắn hạn	9.195.078	67.017.000
Phải trả ngắn hạn khác	66.668.015	235.171.698
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.195.397.579	
Phải trả người bán dài hạn	44.545.060	65.208.560
Chi phí phải trả dài hạn	234.960.000	249.460.000
Phải trả dài hạn khác	1.216.677.683	1.216.677.683
Cộng	3.070.032.261	2.119.187.084

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đã được nêu tại các thuyết minh liên quan.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo có đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả.

Chỉ tiêu	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Số đầu năm			
Phải trả người bán	285.652.143	65.208.560	350.860.703
Chi phí phải trả	67.017.000	249.460.000	316.477.000
Phải trả khác	235.171.698	1.216.677.683	1.451.849.381
Cộng	587.840.841	1.531.346.243	2.119.187.084
Chỉ tiêu	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	302.588.846	44.545.060	347.133.906
Chi phí phải trả	9.195.078	234.960.000	244.155.078
Phải trả khác	66.668.015	1.216.677.683	1.283.345.698
Vay và nợ thuê tài chính	1.195.397.579		1.195.397.579
Cộng	1.573.849.518	1.496.182.743	3.070.032.261

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LCTT**1 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

Năm nay

Năm trước

Tiền vay nhận được theo các khế ước thông thường

1.195.397.579

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Công ty liên quan**

Công ty TNHH MTV XNB Giáo Dục Việt Nam

NXB Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Công ty Cổ phần sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam

Công ty Cổ phần Sách Dân tộc

Mối quan hệ

Công ty Đầu tư

Công ty Đầu tư

Chung Công ty Đầu tư

Chung Công ty Đầu tư

Chung Công ty Đầu tư

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 " Báo cáo Bộ phận". Hiện công ty không có báo cáo bộ phận.

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Các chỉ tiêu thuộc số đầu năm, năm trước đã được trình bày và phân loại theo lại cho phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

30 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**a) Việc tạm ngưng sản xuất để ổn định tổ chức và hoạt động trở lại**

Theo Nghị quyết Số 04/NQHĐQT ngày 09/02/2015, việc kinh doanh chỉ tập trung hoàn thành các hợp đồng đang thực hiện dở dang trước đó. Và theo Thông báo số 06/2015/TB-HĐQT ngày 29/05/2015, Công ty tạm ngưng sản xuất để ổn định tổ chức.

Theo Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐQT ngày 18/09/2015 và Thông báo số 1381/TB-TCNS ngày 14/09/2015 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty đã tiếp tục là đơn vị thành viên thuộc hệ thống Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam.

Đồng thời theo Thông báo số 1359/NXBGDVN ngày 10/09/2015 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam về việc giao sản lượng in cho các đơn vị in thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam năm 2016, công ty đã làm việc với NXBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp nhận chỉ tiêu kế hoạch in và tổ chức triển khai sản xuất. Hoạt động sản xuất in của công ty đã triển khai trở lại vào đầu tháng 10/2015.

b) Các giao dịch chuyển đổi cổ phần của các Cổ đông lớn (Xem Phụ lục số 02)


Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2016



Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Kế toán trưởng




Lê Chí Viện

Giám đốc

05 TẶNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

PHỤ LỤC SỐ 01

Đơn vị tính: VND

TT	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, quản lý	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng tài sản cố định hữu hình
I	Nguyên giá TSCĐ						
1	Số đầu năm trước	1.707.961.422	20.876.136.759		31.525.000		22.615.623.181
2	Tăng trong năm trước						
	- Do mua sắm						
3	Giảm trong năm trước		1.463.085.900				1.463.085.900
	- Do thanh lý, nhượng bán		1.463.085.900				1.463.085.900
4	Số cuối năm trước	1.707.961.422	19.413.050.859		31.525.000		21.152.537.281
II	Hao mòn TSCĐ						
1	Số đầu năm	1.306.979.953	20.441.366.990		31.525.000		21.779.871.943
2	Tăng trong năm	43.766.124	272.995.954				316.762.078
	- Do trích khấu hao TSCĐ	43.766.124	272.995.954				316.762.078
3	Giảm trong năm		1.463.085.900				1.463.085.900
	- Do thanh lý, nhượng bán		1.463.085.900				1.463.085.900
4	Số cuối năm	1.350.746.077	19.251.277.044		31.525.000		20.633.548.121
III	Giá trị còn lại						
1	Số đầu năm	400.981.469	434.769.769				835.751.238
2	Số cuối năm	357.215.345	161.773.815				518.989.160

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015

Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để thế chấp khoản vay tại ngày 31/12/2015

918.944.338

31.525.000

19.320.142.515

0

29 b CÁC GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG

TT	Tên cá nhân/Tổ chức giao dịch	Chức vụ/Quan hệ	Người liên quan		Mã cổ phần	Số lượng trước giao dịch	Đăng ký		Ngày kết thúc	Kết quả		Số lượng CP sau giao dịch	Ti lệ sở hữu
			Tên	Chức vụ			Bán	Ngày bắt đầu		Mua	Bán		
1	Đỗ Thị Nhường	Chủ tịch HĐQT			SAP	277.300	29/07/2015	27/08/2015		277.300	29/07/2015		
2	Đỗ Hữu Cường	Phó Giám đốc			SAP	2.000	30/07/2015	28/08/2015		2.000	30/07/2015		
3	Đỗ Quang Hiệu	Anh	Đỗ Thị Nhường	Chủ tịch HĐQT	SAP	60.000	29/07/2015	27/08/2015		60.000	29/07/2015		
4	Đỗ Thị Chín	Em	Đỗ Thị Nhường	Chủ tịch HĐQT	SAP	150.500	29/07/2015	27/08/2015		150.500	29/07/2015		
5	Hoàng Thái Khiêm				SAP	65.000	29/07/2015	27/08/2015		65.000	29/07/2015		
6	Vũ Đình Hải	Trưởng Ban Kiểm soát			SAP	500	29/07/2015	27/08/2015		500	29/07/2015		
7	Lê Ngọc Vinh (*)				SAP				305.500		29/07/2015	305.500	23,74%
8	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bến Thành				SAP				300.000		29/07/2015	300.000	23,31%

(*) Ngày 04/01/2016, Ông Lê Ngọc Vinh đã thực hiện hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ 305.500 Cổ phần SAP cho Công ty TNHH Đại Bằng Phương Nam. Ti lệ sở hữu sau khi giao dịch của Công ty TNHH Đại Bằng Phương Nam là 23,74%. Trở thành cổ đông lớn của Công ty từ ngày 04/01/2016.